| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẮK MIL**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI XHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2019
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Mận

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hồng
2. Ông Nguyễn Văn Đợi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Tuyết A – sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn 8, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn*: Anh Lê Hữu H– sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết A trình bày: chị và anh Lê Hữu H kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị không có con chung không có tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị làm đơn xin ly hôn với anh Lê Hữu H là: Chị và anh H tiến đến hôn nhân sau khi tìm hiểu, yêu nhau được 6 tháng. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu nhau ngắn, cả hai chưa hiểu rõ về nhau, sau khi kết hôn chỉ hạnh phúc được ít tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ những vấn đề nhỏ trong cuộc sống nhưng cả hai thường xuyên cãi vả, giận dỗi, xúc phạm nhau mà không hiểu, chia sẻ và cảm thông cho nhau. Hôn nhân dần trở nên nhàm chán và ngột ngạt, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Kết hôn được khoảng 1 năm thì cả hai sống ly thân cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không còn quan tâm đến đối phương. Tình cảm và cuộc sống hôn nhân không còn duy trì nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Lê Hữu H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có. Trong thời gian chung sống có mâu thuẫn nhưng anh chị tự giải quyết, không nhờ đến sự hòa giải ở cơ sở, vì sau khi kết hôn anh chị không sống chung với gia đình chồng mà lên thành phố Hồ Chí Minh để làm việc, sau đó sống ở nhiều nơi khác.

Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Hữu H, tuy nhiên anh H không hợp tác làm việc nhưng có văn bản trình bày ý kiến đề ngày 13/3/2019 (có xác nhận của địa phương) nội dung như sau: Anh và chị A tìm hiểu và đi đến kết hôn vào tháng 2/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, mỗi người mỗi quan điểm, cách sống dẫn đến cãi vã. Anh chị sống ly thân từ 2015 đến nay. Anh xét thấy giữa các bên không thể quay về đoàn tụ, cả hai đều có cuộc sống riêng, nên đối với yêu cầu ly hôn của chị A thì anh thuận tình ly hôn. Về con chung: không có; tài sản chung, nợ chung: không có. Vì điều kiện công tác anh không có mặt làm việc và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết A. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Tuyết A phải nợp 300.000đ tiền án phí DSST về việc "Ly hôn".

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà

và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Hữu H có hộ khẩu thường trú và trú tại Thôn 2, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Lê Thị Tuyết A và Anh Lê Hữu H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 BLTTDS, TAND huyện Đăk Mil xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Lê Thị Tuyết A và anh Lê Hữu H là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, không đáng có, cả hai đã sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả là anh chị chỉ sống chung được 1 năm và sống ly thân 4 năm, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, anh chị không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy căn cứ vào thực tế hôn nhân của anh chị, xác định mâu thuẫn giữa các đương sự là có thật, vợ chồng chị A và anh H đã vi phạm nguyên tắc quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lê Hữu H cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm do có nhiều mâu thuẫn. Và anh thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết A. Các đương sự thuận tình ly hôn, tuy nhiên, do anh Lê Hữu H vắng mặt nên không có căn cứ để công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil về việc đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết A là có căn cứ.

Do đó, HĐXX nghĩ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ, xử cho chị Lê Thị Tuyết A ly hôn với anh Lê Hữu H là phù hợp quy định pháp luật.

[3]Về con chung: Các đương sự không có con chung

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung

[5] Về án phí DSST: chị Lê Thị Tuyết A phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết A.

1.Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Tuyết A được ly hôn với anh Lê Hữu H.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí DSST: Chị Lê Thị Tuyết A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về việc "Ly hôn" được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003397 ngày 04/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đăk Nông.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Đỗ Thị Mận**

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Mil;*
- *THADS huyện M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*